

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015
đã được soát xét



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 04
Báo cáo kết quả công tác soát xét	05
Báo cáo tài chính đã được soát xét	06 – 36
Bảng cân đối kế toán	06 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14 – 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK - GP ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 32/GPĐC – UBCK ngày 01 tháng 12 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép hoạt động kinh doanh là 1.000.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
- Thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh trực thuộc như sau:

Tên Chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tại thành phố Đà Nẵng	Số 97 Lê Lợi, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 36).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đỗ Quang Hiền	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Tiến	Ủy viên
Ông Lê Đăng Khoa	Ủy viên
Ông Mai Xuân Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Quang	Ủy viên

Bổ nhiệm ngày 09/4/2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Đức Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP.HCM

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Vũ Đức Tiên

Số: 291/2015/BCSX-AASCN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội được lập ngày 12 tháng 8 năm 2015 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được trình bày từ trang 06 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt****Phó Giám đốc Công ty****Bùi Ngọc Vương**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên**Bùi Ngọc Hà**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.099.866.569.455	3.147.070.854.128
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	973.156.551.307	1.603.562.789.371
1.	Tiền	111		746.156.551.307	1.338.912.789.371
2.	Các khoản tương đương tiền	112		227.000.000.000	264.650.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		537.294.828.955	687.664.436.198
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.02.2	576.136.538.198	749.602.568.345
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(38.841.709.243)	(61.938.132.147)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	1.575.171.709.312	834.204.969.932
1.	Phải thu khách hàng	131		1.645.214.000	2.572.000.000
2.	Trả trước cho người bán	132		85.154.589.765	85.403.665.899
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		16.910.903.533	17.229.606.683
5.	Các khoản phải thu khác	138		1.739.819.597.247	985.154.647.023
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(268.358.595.233)	(256.154.949.673)
IV.	Hàng tồn kho	140		194.117.458	120.312.890
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	194.117.458	120.312.890
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		14.049.362.423	21.518.345.737
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		408.611.783	420.733.760
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		12.188.448.530	12.188.448.530
4.	Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158		1.452.302.110	8.909.163.447

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		68.408.726.053	25.898.779.815
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		3.879.303.381	5.342.374.125
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	1.979.909.888	2.472.592.250
	- Nguyên giá	222		15.438.922.409	15.289.911.509
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(13.459.012.521)	(12.817.319.259)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.06	1.899.393.493	2.869.781.875
	- Nguyên giá	228		20.675.056.987	20.180.442.990
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(18.775.663.494)	(17.310.661.115)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02.2	50.625.330.000	10.692.000.000
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		50.625.330.000	10.692.000.000
	- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		50.625.330.000	10.692.000.000
	- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		13.904.092.672	9.864.405.690
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	3.882.218.864	2.455.526.266
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.08	8.199.340.273	5.699.340.273
4.	Tài sản dài hạn khác	268		1.822.533.535	1.709.539.151
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.168.275.295.508	3.172.969.633.943

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		2.229.807.052.335	2.265.171.469.441
I.	Nợ ngắn hạn	310		2.229.782.052.335	2.265.146.469.441
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	592.000.000.000	465.000.000.000
2.	Phải trả người bán	312		14.025.690	113.329.950
3.	Người mua trả tiền trước	313		1.738.800.000	794.000.000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	4.957.273.288	7.448.007.865
5.	Phải trả người lao động	315		1.895.894.300	1.941.352.330
6.	Chi phí phải trả	316	V.11	5.705.015.776	8.165.362.539
8.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	1.602.912.553.126	1.491.710.608.788
9.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.13	17.222.447.400	289.674.183.603
10.	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi chứng khoán	321		2.695.710.005	52.456.000
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		214.168.366	247.168.366
14.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		426.164.384	-
II.	Nợ dài hạn	330		25.000.000	25.000.000
6.	Phải trả dài hạn khác	333		25.000.000	25.000.000
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		938.468.243.173	907.798.164.502
I.	Vốn chủ sở hữu	410		938.468.243.173	907.798.164.502
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		310.000.000	108.234.052.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		7.420.555.826	7.420.555.826
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	(1.550.000.000)
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		7.420.555.826	7.420.555.826
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(76.682.868.479)	(213.726.999.150)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.168.275.295.508	3.172.969.633.943

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2.	Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	1.932.000.000	1.932.000.000
3.	Tài sản nhận ký cược	003	15.936.660.000	15.936.660.000
6.	Chứng khoán lưu ký	006	8.731.688.720.000	7.006.337.100.000
	Trong đó:			
6.1.	Chứng khoán giao dịch	007	5.990.174.250.000	4.469.999.320.000
6.1.1.	Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	136.130.990.000	67.876.980.000
6.1.2.	Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	5.850.401.060.000	4.399.065.840.000
6.1.3.	Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	3.642.200.000	3.056.500.000
6.2.	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	289.241.840.000	251.003.840.000
6.2.2.	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	289.241.840.000	251.003.840.000
6.3.	Chứng khoán cầm cố	017	1.581.229.800.000	1.682.199.800.000
6.3.1.	Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	321.300.000.000	286.000.000.000
6.3.2.	Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	1.259.929.800.000	1.396.199.800.000
6.5.	Chứng khoán chờ thanh toán	027	456.815.800.000	323.259.190.000
6.5.1.	Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	460.000.000	1.070.000.000
6.5.2.	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	456.355.800.000	322.189.190.000
6.7.	Chứng khoán chờ giao dịch	037	414.227.030.000	279.874.950.000
6.7.2.	Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	414.227.030.000	279.874.950.000
7.	Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	990.760.960.000	1.091.302.650.000
	Trong đó:			
7.1.	Chứng khoán giao dịch	051	165.449.190.000	265.799.650.000
7.1.1.	Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	3.512.310.000	4.803.290.000
7.1.2.	Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	161.936.880.000	260.996.360.000
7.2.	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	22.000.000	197.000.000
7.2.2.	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	22.000.000	197.000.000
7.3.	Chứng khoán cầm cố	061	823.000.000.000	823.000.000.000
7.3.2.	Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063	823.000.000.000	823.000.000.000
7.5.	Chứng khoán chờ thanh toán	071	2.289.770.000	2.306.000.000
7.5.2.	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	2.289.770.000	2.306.000.000
9.	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	180.383.330.000	147.450.000.000

Người lập biểu

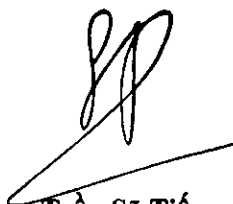
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

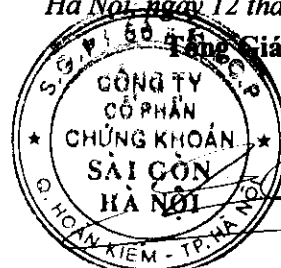
Tăng Giám đốc



Ngô Thị Trúc Mai



Trần Sỹ Tiến



Vũ Đức Tiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1.	Doanh thu	01		198.714.765.136	144.097.524.463
	<i>Trong đó:</i>				
-	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		55.213.807.620	28.033.095.033
-	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		44.269.319.409	75.699.162.473
-	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
-	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		40.000.000	-
-	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		29.777.156.031	9.180.919.960
-	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		3.044.423.290	1.653.059.695
-	Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		363.970.998	27.885.703
-	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
-	Doanh thu khác	01.9		66.006.087.788	29.503.401.599
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		198.714.765.136	144.097.524.463
4.	Chi phí hoạt động kinh doanh	11		141.199.247.254	49.406.472.020
5.	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		57.515.517.882	94.691.052.443
6.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.713.925.662	15.626.585.162
7.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.801.592.220	79.064.467.281
8.	Thu nhập khác	31		11.060.833	21.141.453
9.	Chi phí khác	32		2.574.382	23.188
10.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		8.486.451	21.118.265
11.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		28.810.078.671	79.085.585.546
12.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.01	-	-
13.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14.	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		28.810.078.671	79.085.585.546
15.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.02	288	792

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

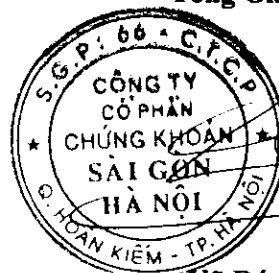
Tổng Giám đốc



Ngô Thị Trúc Mai



Trần Sỹ Tiến



Vũ Đức Tiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		28.810.078.671	79.085.585.546
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		2.106.695.641	1.886.825.424
-	Các khoản dự phòng	03		(10.892.777.344)	(59.735.438.519)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(73.855.814.888)	(55.709.178.100)
-	Chi phí lãi vay	06		28.608.452.438	14.939.138.899
3.	Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(25.223.365.482)	(19.533.066.750)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(746.455.173.046)	(753.908.831.591)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư	10		133.458.895.579	(180.522.220.533)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(162.339.097.417)	1.296.622.259.302
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.414.570.621)	(807.125.913)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(28.595.841.327)	(14.663.305.566)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		184.000.000	61.388.500
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(279.994.384)	(96.216.052)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(830.665.146.698)	327.152.881.397
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(643.624.897)	(1.577.662.353)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		72.047.464.331	35.420.351.459
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		71.403.839.434	33.842.689.106

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.860.000.000	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		757.000.000.000	6.926.000.000.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(630.000.000.000)	(6.841.000.000.000)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.930.800)	(5.148.200)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		128.855.069.200	84.994.851.800
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(630.406.238.064)	445.990.422.303
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.603.562.789.371	892.685.928.463
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		973.156.551.307	1.338.676.350.766

Người lập biểu



Ngô Thị Trúc Mai

Kế toán trưởng



Trần Sỹ Tiến

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



 Vũ Đức Tiến

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	-	-	-	-	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		108.234.052.000	108.234.052.000	-	-	310.000.000	(108.234.052.000)	108.234.052.000	310.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.420.555.826	7.420.555.826	-	-	-	-	7.420.555.826	7.420.555.826
4. Cổ phiếu quỹ (*)		(1.550.000.000)	(1.550.000.000)	-	-	-	1.550.000.000	(1.550.000.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		7.420.555.826	7.420.555.826	-	-	-	-	7.420.555.826	7.420.555.826
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(335.821.081.035)	(213.726.999.150)	79.085.585.546	-	137.044.130.671	-	(256.735.495.489)	(76.682.868.479)
Cộng		785.704.082.617	907.798.164.502	79.085.585.546	-	137.354.130.671	(106.684.052.000)	864.789.668.163	938.468.243.173

Người lập biểu

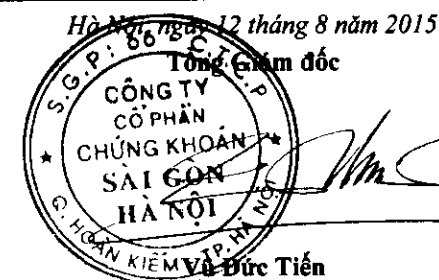


Ngô Thị Trúc Mai

Kế toán trưởng



Trần Sỹ Tiến



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty thực hiện các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
- Thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	04 năm
Phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán	03 - 05 năm

03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán: được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Dự phòng giảm giá chứng khoán lập cho từng loại chứng khoán được tự do mua, bán trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá thực tế thị trường giảm so với giá hạch toán trên sổ kế toán.
- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch giá chứng khoán để trích lập dự phòng là giá chứng khoán đóng cửa tại sở giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị thị trường của chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 03 (ba) Công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không trích lập dự phòng.
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

04. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định;
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Chi phí tư vấn;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

06. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch do bán cổ phần phát hành và tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu: là khoản trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

07. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá vốn chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)***Doanh thu từ cổ tức***

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND***01. Tiền và tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt tại quỹ	34.825.546	91.235.684
- Tiền gửi ngân hàng	671.568.283.192	1.022.674.597.789
Trong đó:		
+ <i>Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	669.557.847.247	404.260.981.984
- Tiền đang chuyển	-	-
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	74.553.442.569	316.146.955.898
Trong đó:		
+ <i>Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK của nhà đầu tư</i>	24.773.531.586	128.817.474.485
- Các khoản tương đương tiền	227.000.000.000	264.650.000.000
Cộng	973.156.551.307	1.603.562.789.371

02.1 Tình hình đầu tư tài chính và giá trị khối lượng giao dịch

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
a. Của công ty chứng khoán	19.497.030	490.181.726.000
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	19.497.030	490.181.726.000
- Chứng chỉ quỹ	-	-
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
b. Của nhà đầu tư	1.331.444.057	17.386.268.874.500
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	1.331.440.657	17.386.237.774.500
- Chứng chỉ quỹ	3.400	31.100.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
Cộng	1.350.941.087	17.876.450.600.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02.2 Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiêu		Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
						Tăng		Giảm			
		30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014
I. Đầu tư ngắn hạn				576.136.538.198	749.602.568.345	3.970.981.345	2.106.595.702	38.841.709.243	61.938.132.147	541.265.810.300	689.771.031.900
1. Cổ phiếu				491.136.538.198	639.602.568.345	3.970.981.345	2.106.595.702	38.241.709.243	60.738.132.147	456.865.810.300	580.971.031.900
Cổ phiếu niêm yết sàn HNX và HSX				427.521.847.624	581.848.376.859	3.954.731.345	2.090.345.702	37.474.852.469	58.348.513.761	394.001.726.500	525.590.208.800
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	15.031.538	15.031.538	137.065.831.349	137.065.831.349	-	-	13.807.219.749	15.310.373.549	123.258.611.600	121.755.457.800
HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	865.041	992.128	29.838.754.199	54.720.952.420	-	-	4.839.069.299	2.138.168.420	24.999.684.900	52.582.784.000
HSG	Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen	722.333	845.113	29.400.218.478	39.551.447.305	1.298.934.022	591.420.195	-	-	30.699.152.500	40.142.867.500
FPT	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp FPT	619.077	460.015	27.897.468.441	22.595.789.661	827.704.359	-	-	515.069.661	28.725.172.800	22.080.720.000
NTL	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	1.430.000	2.240.650	23.295.417.490	36.580.011.568	-	-	3.275.417.490	5.210.911.568	20.020.000.000	31.369.100.000
TCM	Công ty Cổ phần Dệt may Thành Công	634.160	610.960	21.578.917.704	21.472.100.000	45.938.296	-	-	1.921.380.000	21.624.856.000	19.550.720.000
HCM	Công ty Cổ phần chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh	510.060	460.530	19.123.193.179	17.602.494.179	-	-	250.973.179	3.233.958.179	18.872.220.000	14.368.536.000
PVS	Tổng Công ty Dịch vụ kỹ thuật Dầu Khí	530.700	652.400	15.501.371.975	23.609.932.106	-	-	1.225.541.975	6.060.372.106	14.275.830.000	17.549.560.000
VTV	Công ty Cổ phần Vật tư vận tải Xi măng	883.515	55.800	14.162.440.535	1.242.720.000	-	40.680.000	1.174.770.035	-	12.987.670.500	1.283.400.000
VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	115.430	113.970	13.327.528.100	13.175.078.100	-	-	283.938.100	2.290.943.100	13.043.590.000	10.884.135.000
KDC	Công ty Cổ phần Kinh Đô	200.006	260.006	12.479.288.351	16.223.093.491	-	-	3.919.031.551	3.248.794.091	8.560.256.800	12.974.299.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02.2 Tình hình đầu tư tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu		Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
						Tăng		Giảm			
		30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014		
REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	396.570	9.570	11.226.728.231	265.126.009	-	4.747.991	558.995.231	-	10.667.733.000	269.874.000
VCG	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	700.000	804.500	9.484.267.428	10.993.007.489	35.732.572	-	-	775.857.489	9.520.000.000	10.217.150.000
DIG	Tổng Công ty Đầu Tư phát triển Xây dựng	826.001	14.411	9.499.012.013	222.235.836	412.999.987	-	-	33.451.736	9.912.012.000	188.784.100
CSM	Công ty Cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam	200.000	127.540	8.394.693.683	5.605.575.588	-	-	594.693.683	121.355.588	7.800.000.000	5.484.220.000
DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	147.400	167.370	7.113.747.206	9.995.140.000	698.452.794	-	-	622.420.000	7.812.200.000	9.372.720.000
HAG	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	300.006	695.806	7.126.737.386	16.534.644.700	-	-	1.426.623.386	1.157.332.100	5.700.114.000	15.377.312.600
SSI	Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn	300.008	855.870	6.962.947.587	25.587.844.566	327.246.813	-	-	2.051.419.566	7.290.194.400	23.536.425.000
VIC	Công ty Cổ phần Vincom	125.800	14.340	5.167.475.183	757.357.795	304.824.817	-	-	73.339.795	5.472.300.000	684.018.000
PHC	Công ty Cổ phần xây dựng Phục Hưng Holdings	421.065	421.065	5.474.451.608	5.474.451.608	-	-	2.274.357.608	3.242.807.108	3.200.094.000	2.231.644.500
VRC	Công ty Cổ phần Xây lắp và địa ốc Vũng Tàu	200.008	200.004	3.098.138.163	3.098.112.963	-	-	1.598.078.163	1.758.086.163	1.500.060.000	1.340.026.800
TTB	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ	183.700	-	2.981.306.584	-	-	-	923.866.584	-	2.057.440.000	-
VKC	Công ty Cổ phần cáp nhựa Vĩnh Khánh	254.900	-	2.688.800.000	-	-	-	139.800.000	-	2.549.000.000	-
PID	Công ty Cổ phần trang trí nội thất Dầu Khí	250.000	250.000	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	1.125.000.000	1.125.000.000	1.375.000.000	1.375.000.000
HBC	Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình	86.000	-	2.116.675.000	-	-	-	52.675.000	-	2.064.000.000	-
SAM	Công ty cổ phần CAP và Vật liệu vật tư	-	2.181.190	-	28.430.208.246	-	-	-	74.738.246	-	28.355.470.000
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	-	1.600.000	-	22.274.901.112	-	-	-	1.314.901.112	-	20.960.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**02.2 Tình hình đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu		Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
						Tăng		Giảm			
		30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014
HUT	Công ty Cổ phần Tasco	-	1.507.000	-	19.959.050.959	-	1.440.349.041	-	-	-	21.399.400.000
DLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	90	1.402.280	1.015.908	16.115.536.535	-	-	214.908	2.232.964.535	801.000	13.882.572.000
KBC	Tổng Công ty Đầu tư phát triển Kinh Bắc	2	1.000.002	32.725	15.919.410.261	-	-	1.725	19.378.461	31.000	15.900.031.800
GAS	Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	80.000	-	9.254.980.043	-	-	-	3.614.980.043	-	5.640.000.000
SJS	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và khu Công nghiệp Sông Đà	7	91.027	177.268	2.302.825.110	-	-	21.868	18.047.410	155.400	2.284.777.700
BCI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Chánh	-	50.530	-	1.158.495.000	-	-	-	51.888.000	-	1.106.607.000
LCG	Công ty Cổ phần Licogi 16	-	125.000	-	1.147.500.000	-	-	-	85.000.000	-	1.062.500.000
	Các cổ phiếu khác	654	18.996	15.211.850	412.522.860	2.897.685	13.148.475	4.562.935	45.575.735	13.546.600	380.095.600
Cổ phiếu niêm yết sàn Upcom				10.389.854.574	20.307.290.916	-	-	766.001.774	2.387.473.216	9.623.852.800	17.919.817.700
SDI	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Sài Đồng	200.900	330.000	10.384.212.088	20.301.780.000	-	-	761.102.088	2.382.780.000	9.623.110.000	17.919.000.000
GGG	Công ty Cổ phần ô tô Giải Phóng	36	36	484.477	484.477	-	-	419.677	426.877	64.800	57.600
PVA	Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An	30	30	1.923.923	1.923.923	-	-	1.866.923	1.854.923	57.000	69.000
S96	Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06	95	95	1.001.578	1.001.578	-	-	821.078	764.078	180.500	237.500
VSP	Công ty CP vận tải biển và Bất động sản Việt Hải	41	41	1.405.350	1.405.350	-	-	1.339.750	1.331.550	65.600	73.800
VTA	Công ty Cổ phần Vitaly	60	60	629.000	629.000	-	-	269.000	257.000	360.000	372.000
CNT	Công ty Cổ phần Xây dựng và kinh doanh vật tư	4	-	90.570	-	-	-	83.770	-	6.800	-
NTB	Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và khai thác công trình giao thông 584	3	3	66.588	66.588	-	-	60.888	58.788	5.700	7.800
HLA	Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu	2	-	41.000	-	-	-	38.600	-	2.400	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**02.2 Tình hình đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu		Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
						Tăng		Giảm			
		30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014
Cổ phiếu chưa niêm yết hoặc hủy niêm yết				53.224.836.000	37.446.900.570	16.250.000	16.250.000	855.000	2.145.170	53.240.231.000	37.461.005.400
CIEN CO1	Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1	3.550.000	3.450.000	31.160.000.000	30.360.000.000	-	-	-	-	31.160.000.000	30.360.000.000
TRAC ODI	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển công nghiệp và vận tải	1.100.000	-	12.100.000.000	-	-	-	-	-	12.100.000.000	-
VPV	Công ty cổ phần Việt Pháp Victory	1.800.000	1.800.000	5.580.000.000	5.580.000.000	-	-	-	-	5.580.000.000	5.580.000.000
DUO NGSA T.P.N	Công ty Cổ phần Đường sắt phía Nam	450.000	-	1.530.000.000	-	-	-	-	-	1.530.000.000	-
CIEN CO4	Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 4	150.000	-	1.350.000.000	-	-	-	-	-	1.350.000.000	-
PXH	Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Hà Nội	150.000	150.000	1.503.750.000	1.503.750.000	16.250.000	16.250.000	-	-	1.520.000.000	1.520.000.000
	Các cổ phiếu khác	60	151	1.086.000	3.150.570	-	-	855.000	2.145.170	231.000	1.005.400
2. Trái phiếu				65.000.000.000	90.000.000.000	-	-	-	-	65.000.000.000	90.000.000.000
MIN HNG ANB OND	Trái phiếu Công ty Cổ phần Địa ốc Minh Ngân	-	90	-	90.000.000.000	-	-	-	-	-	90.000.000.000
BCG BON D	Trái phiếu Công ty Cổ phần Bamboo Capital	65	-	65.000.000.000	-	-	-	-	-	65.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

02.2 Tình hình đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu		Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
						Tăng		Giảm			
		30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014
3. Chứng chỉ quỹ niêm yết		2.000.000	2.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	600.000.000	1.200.000.000	19.400.000.000	18.800.000.000
EIVF VN30	Chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30	2.000.000	2.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	600.000.000	1.200.000.000	19.400.000.000	18.800.000.000
II. Chứng khoán đầu tư				50.625.330.000	10.692.000.000	-	-	-	-	50.625.330.000	10.692.000.000
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán				50.625.330.000	10.692.000.000	-	-	-	-	50.625.330.000	10.692.000.000
+ Cổ phiếu chưa niêm yết				50.625.330.000	10.692.000.000	-	-	-	-	50.625.330.000	10.692.000.000
SVIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB-Vinacomin(*)	4.488.333	495.000	50.625.330.000	10.692.000.000	-	-	-	-	50.625.330.000	10.692.000.000
TỔNG CỘNG				626.761.868.198	760.294.568.345	3.970.981.345	2.106.595.702	38.841.709.243	61.938.132.147	591.891.140.300	700.463.031.900

(*): Khoản đầu tư vào cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin không có giao dịch trong thời gian 01 tháng tính đến ngày 30/06/2015 nên không thực hiện trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**03. Các khoản phải thu ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
1. Phải thu của khách hàng	2.572.000.000	330.000.000	-	1.493.521.468	2.420.307.468	1.645.214.000	330.000.000	-	(330.000.000)
- Phải thu dịch vụ tư vấn	2.572.000.000	330.000.000	-	1.493.521.468	2.420.307.468	1.645.214.000	330.000.000	-	(330.000.000)
- Phải thu hoạt động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	85.403.665.899	-	-	161.777.454	410.853.588	85.154.589.765	-	-	-
- Ứng trước dịch vụ tư vấn	403.665.899	-	-	161.777.454	410.853.588	154.589.765	-	-	-
- Ứng trước tiền hợp tác xây dựng tòa nhà văn phòng	85.000.000.000	-	-	-	-	85.000.000.000	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	17.229.606.683	16.910.903.533	-	584.759.543	903.462.693	16.910.903.533	16.910.903.533	-	(8.699.359.193)
- Phải thu của sở (trung tâm) GDCK	2.970	-	-	400.368.098	400.371.068	-	-	-	-
- Phải thu trung tâm lưu ký chứng khoán	318.449.380	-	-	-	318.449.380	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về GDCK	16.911.154.333	16.910.903.533	-	184.391.445	184.642.245	16.910.903.533	-	-	-
+ Phải thu khách hàng GDCK về kỳ quỹ	16.911.154.333	16.910.903.533	-	184.391.445	184.642.245	16.910.903.533	16.910.903.533	-	(8.699.359.193)
4. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Phải thu khác	985.154.647.023	326.069.411.528	-	17.608.407.912.021	16.853.742.961.797	1.739.819.597.247	326.546.247.212	-	(259.329.236.040)
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	272.886.337.465	-	-	10.448.956.091.020	10.316.684.939.267	405.157.489.218	-	-	-
- Phải thu hợp đồng margin	663.773.530.416	290.347.729.667	-	6.801.588.941.338	6.197.766.626.318	1.267.595.845.436	290.865.484.493	-	(238.289.210.056)
- Phải thu hỗ trợ khác cho nhà đầu tư	9.215.730.699	8.876.678.248	-	313.646.937.497	313.743.198.780	9.119.469.416	8.840.677.438	-	(3.705.678.857)
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.854.870.296	15.430.809.124	-	6.274.985.680	6.269.338.123	15.860.517.853	15.425.890.792	-	(9.355.301.587)
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	820.000.000	820.000.000	-	7.817.483.100	6.014.780.100	2.622.703.000	820.000.000	-	(574.000.000)
- Phải thu khác	22.604.178.147	10.594.194.489	-	30.123.473.386	13.264.079.209	39.463.572.324	10.594.194.489	-	(7.405.045.540)
Cộng	1.090.359.919.605	343.310.315.061	-	17.610.647.970.486	16.857.477.585.546	1.843.530.304.545	343.787.150.745	-	(268.358.595.233)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	87.823.358	120.312.890
- Công cụ, dụng cụ	106.294.100	-
Cộng	194.117.458	120.312.890

05. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện Vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	11.673.537.214	3.294.576.582	321.797.713	15.289.911.509
- Mua trong kỳ	149.010.900	-	-	149.010.900
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	11.822.548.114	3.294.576.582	321.797.713	15.438.922.409
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	9.470.332.205	3.090.135.767	256.851.287	12.817.319.259
- Số khấu hao trong kỳ	556.889.930	57.181.944	27.621.388	641.693.262
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	10.027.222.135	3.147.317.711	284.472.675	13.459.012.521
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	2.203.205.009	204.440.815	64.946.426	2.472.592.250
2. Tại ngày cuối kỳ	1.795.325.979	147.258.871	37.325.038	1.979.909.888

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 11.100.812.865 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán	Cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	20.180.442.990	20.180.442.990
- Mua trong kỳ	-	494.613.997	494.613.997
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	20.675.056.987	20.675.056.987
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	17.310.661.115	17.310.661.115
- Số khấu hao trong kỳ	-	1.465.002.379	1.465.002.379
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	18.775.663.494	18.775.663.494
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	2.869.781.875	2.869.781.875
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	1.899.393.493	1.899.393.493

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.386.706.174 đồng.

07. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.117.409.908	751.812.194
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ	1.106.862.574	1.062.620.649
- Chi phí tư vấn chờ phân bổ	502.074.646	295.541.172
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.155.871.736	345.552.251
Cộng	3.882.218.864	2.455.526.266

08. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	6.742.522.563	4.560.971.943
- Tiền lãi phân bổ	1.336.817.710	1.018.368.330
Số cuối kỳ	8.199.340.273	5.699.340.273

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Vay và nợ ngắn hạn

	Số dư đầu năm	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Vay ngắn hạn	465.000.000.000	757.000.000.000	630.000.000.000	592.000.000.000
- Vay ngân hàng (*)	465.000.000.000	757.000.000.000	630.000.000.000	592.000.000.000
Cộng	465.000.000.000	757.000.000.000	630.000.000.000	592.000.000.000

(*): Trong đó:

	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (!)	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (!!)	Ngân hàng TMCP An Bình (!!!)
- Số đầu năm	-	400.000.000.000	65.000.000.000
- Số vay trong kỳ	17.000.000.000	715.000.000.000	25.000.000.000
- Số trả trong kỳ	-	565.000.000.000	65.000.000.000
Số dư cuối kỳ	17.000.000.000	550.000.000.000	25.000.000.000

(!): Hợp đồng tín dụng số 106.0438/2015/HĐTDHM-DN/PGBHN ngày 24 tháng 04 năm 2015 với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Giá trị hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND;
- + Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2015: 17.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Lãi suất vay: được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ và không thay đổi lãi suất trong thời gian vay;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: khoản vay này được đảm bảo bằng các cổ phiếu niêm yết và OTC cho từng khế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo cho khoản vay dư nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 với giá trị tại thời điểm định giá là 25.003.600.000 đồng.

(!!): Khoản vay ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội bao gồm 02 hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 81/2014/HDHM-PN/SHB.110100 ngày 21 tháng 5 năm 2014 với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Giá trị hạn mức tín dụng: 550.000.000.000 VND;
- + Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2015: 550.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Lãi suất vay: được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: khoản vay này được đảm bảo bằng các cổ phiếu niêm yết và OTC với giá trị tại thời điểm định giá là 737.919.065.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 3006/2014/HĐTD-PN/SHB-110200 ngày 31 tháng 12 năm 2014 với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Giá trị tiền vay: 165.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Lãi suất vay: 7,8%/năm;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Bằng số dư tài khoản thanh toán tại ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(!!!): Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1207/14/TD-TT/II ngày 26 tháng 9 năm 2014 với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Giá trị hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND;
- + Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2015: 25.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Lãi suất vay: được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: khoản vay này được đảm bảo bằng các cổ phiếu niêm yết và OTC với giá trị tại thời điểm định giá là 136.500.000.000 đồng.

Đơn vị tính: VND

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	95.173.353	440.747.703
- Thuế thu nhập cá nhân	4.862.099.935	7.007.260.162
Cộng	4.957.273.288	7.448.007.865

11. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chi phí lãi vay	766.916.667	754.305.556
- Phí cơ hội hợp đồng môi giới chứng khoán	4.720.269.110	3.894.382.047
- Chi phí phải trả khác	217.829.999	3.516.674.936
Cộng	5.705.015.776	8.165.362.539

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	90.705.995	47.702.815
Bảo hiểm xã hội	552.691.360	334.912.240
Bảo hiểm y tế	95.658.120	58.249.080
Bảo hiểm thất nghiệp	42.514.720	25.762.280
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.602.130.982.931	1.491.243.982.373
- Nhận tiền đặt cọc Hợp đồng môi giới chứng khoán (*)	900.603.476.117	957.715.406.287
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (**)	693.565.850.418	532.845.666.299
- Phải trả cổ tức SHS cho nhà đầu tư	307.023.449	311.954.249
- Phải trả khác	7.654.632.947	370.955.538
Cộng	1.602.912.553.126	1.491.710.608.788

(*): Đây là khoản Công ty nhận tiền đặt cọc của khách hàng để thực hiện việc tìm mua chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng. Trong trường hợp Công ty không tìm mua được chứng khoán trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty sẽ phải hoàn trả tiền cọc cho khách hàng kèm theo một khoản phí cơ hội theo thỏa thuận. Khoản phí cơ hội này được Công ty trích trước trên khoản mục “Chi phí phải trả” vào cuối mỗi tháng.

(**): Đây là tiền nhận ký quỹ của nhà đầu tư.

13. Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải trả tổ chức, cá nhân khác	17.222.447.400	289.674.183.603
Cộng	17.222.447.400	289.674.183.603

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

01. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.810.078.671	79.085.585.546
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	333.374.629.726	440.071.628.619
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	8.040.233.100	26.238.780.985
+ <i>Kết chuyển lỗ các năm trước</i>	325.334.396.626	413.832.847.634
- Tổng thu nhập tính thuế TNDN	(304.564.551.055)	(360.986.043.073)
- Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

02. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	28.810.078.671	79.085.585.546
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.810.078.671	79.085.585.546
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	99.948.333	99.845.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	288	792

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin bổ sung.

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**01. Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Ghi chú
- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành	Không có thông tin bổ sung
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	Không có thông tin bổ sung
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	Không có thông tin bổ sung
- Sử dụng toàn bộ nguồn thặng dư vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 số tiền là 108.234.052.000 đồng để bù lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31/12/2014.	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 số 01-2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 01 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**01. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	155.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	155.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	99.845.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100.000.000	99.845.000

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.***IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Thông tin về các bên có liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Đơn vị tính: VND

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	4.933.733.315	3.455.427.859

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin	Cùng chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Cùng chủ tịch Hội đồng quản trị

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin</i>		
- Nhận cổ tức	222.750.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội</i>		
- Chi phí lãi vay	25.241.512.992	13.937.888.889
- Nhận cổ tức	-	-
- Nhận tiền vay trong kỳ	715.000.000.000	4.900.000.000.000
- Trả tiền vay trong kỳ	565.000.000.000	4.815.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin	50.625.330.000	10.692.000.000
- Đầu tư cổ phiếu	50.625.330.000	10.692.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	137.065.831.349	137.065.831.349
- Đầu tư cổ phiếu	137.065.831.349	137.065.831.349
Cộng	187.691.161.349	147.757.831.349
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	550.000.000.000	400.000.000.000
- Vay ngắn hạn	550.000.000.000	400.000.000.000
Cộng nợ phải trả	550.000.000.000	400.000.000.000

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính là: Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán, hoạt động tự doanh, hoạt động tư vấn và hoạt động lưu ký chứng khoán và hoạt động khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán	Hoạt động tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn và dịch vụ khách hàng	Tư vấn và bảo lãnh phát hành	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	55.213.807.620	44.269.319.409	69.414.482.076	29.817.156.031	198.714.765.136
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	53.571.262.390	38.049.205.137	53.204.757.410	25.087.947.978	169.913.172.916
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.642.545.230	6.220.114.272	16.209.724.666	4.729.208.053	28.801.592.220
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác	516.029.747	39.362.458	61.720.503	26.512.189	643.624.897
Số dư cuối kỳ					
Tài sản bộ phận	65.666.866.632	619.651.435.586	2.464.514.324.370	18.442.668.920	3.168.275.295.508
Tài sản không phân bổ					-
Tổng tài sản	65.666.866.632	619.651.435.586	2.464.514.324.370	18.442.668.920	3.168.275.295.508
Nợ phải trả bộ phận	6.093.782.092	7.751.192.365	2.213.531.507.902	2.430.569.975	2.229.807.052.335
Nợ phải trả không phân bổ					-
Tổng nợ phải trả	6.093.782.092	7.751.192.365	2.213.531.507.902	2.430.569.975	2.229.807.052.335

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

						Đơn vị tính: VND
	Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán	Hoạt động tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn và dịch vụ khách hàng	Tư vấn và bảo lãnh phát hành	Các bộ phận khác	Cộng
Kỳ trước						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	28.033.095.033	75.699.162.473	31.135.480.440	9.180.919.960	48.866.557	144.097.524.463
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-				-
Chi phí phân bổ	27.399.005.118	(22.946.871.166)	44.228.329.542	2.704.337.154	13.648.256.534	65.033.057.182
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	634.089.915	98.646.033.639	(13.092.849.102)	6.476.582.806	(13.599.389.977)	79.064.467.281
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác	1.181.846.563	-	-	-	395.815.790	1.577.662.353
Số dư cuối kỳ						
Tài sản bộ phận	5.474.705.245	577.896.572.258	2.694.762.182.854	1.270.791.172	-	3.279.404.251.529
Tài sản không phân bổ						104.192.481.870
Tổng tài sản	5.474.705.245	577.896.572.258	2.694.762.182.854	1.270.791.172	-	3.383.596.733.399
Nợ phải trả bộ phận	72.604.731	-	1.816.485.592.322	696.811.375.500	-	2.513.369.572.553
Nợ phải trả không phân bổ						5.437.492.683
Tổng nợ phải trả	72.604.731	-	1.816.485.592.322	696.811.375.500	-	2.518.807.065.236

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Khu vực địa lý: Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau: Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam.

	<u>Miền Bắc</u>	<u>Miền Trung</u>	<u>Miền Nam</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	161.353.870.579	3.941.461.903	33.419.432.654	198.714.765.136
- Tài sản bộ phận	2.798.782.931.619	31.288.021.318	338.204.342.571	3.168.275.295.508
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	643.624.897	-	-	643.624.897
Kỳ trước				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	122.873.407.130	3.063.928.491	18.160.188.842	144.097.524.463
- Tài sản bộ phận	2.872.479.035.264	26.841.047.818	380.084.168.447	3.279.404.251.529
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	1.494.918.241	41.372.056	41.372.056	1.577.662.353

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>				<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Dự phòng</u>		
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	973.156.551.307	-	1.603.562.789.371	-	973.156.551.307	1.603.562.789.371
- Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	1.758.375.714.780	(268.358.595.233)	1.004.956.253.706	(256.154.949.673)	1.490.017.119.547	748.801.304.033
- Đầu tư ngắn hạn	576.136.538.198	(38.841.709.243)	749.602.568.345	(61.938.132.147)	541.265.810.300	689.771.031.900
- Đầu tư dài hạn	50.625.330.000	-	10.692.000.000	-	50.625.330.000	10.692.000.000
Cộng	<u>3.358.294.134.285</u>	<u>(307.200.304.476)</u>	<u>3.368.813.611.422</u>	<u>(318.093.081.820)</u>	<u>3.055.064.811.154</u>	<u>3.052.827.125.304</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
Nợ phải trả tài chính				
- Vay và nợ	592.000.000.000	465.000.000.000	592.000.000.000	465.000.000.000
- Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả phải nộp khác	1.619.392.456.021	1.781.523.122.341	1.619.392.456.021	1.781.523.122.341
- Chi phí phải trả	5.705.015.776	8.165.362.539	5.705.015.776	8.165.362.539
Cộng	2.217.097.471.797	2.254.688.484.880	2.217.097.471.797	2.254.688.484.880

05. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 4 loại: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá cổ phần và rủi ro giá hàng hóa.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản nợ phải trả tài chính.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phần

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro giá hàng hóa

Công ty không có rủi ro về thay đổi giá hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Đầu tư chứng khoán nợ

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo tài chính trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản đảm bảo đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại một số ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và Bộ phận nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như đã trình bày ở thuyết minh V.1. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức độ thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ ngắn hạn	465.000.000.000	-	-	465.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	1.491.823.938.738	25.000.000	-	1.491.848.938.738
Chi phí phải trả	8.165.362.539	-	-	8.165.362.539
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	289.674.183.603	-	-	289.674.183.603
Cộng	2.254.663.484.880	25.000.000	-	2.254.688.484.880
Số cuối kỳ				
Vay và nợ ngắn hạn	592.000.000.000	-	-	592.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	1.602.145.008.621	25.000.000	-	1.602.170.008.621
Chi phí phải trả	5.705.015.776	-	-	5.705.015.776
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17.222.447.400	-	-	17.222.447.400
Cộng	2.217.072.471.797	25.000.000	-	2.217.097.471.797

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu



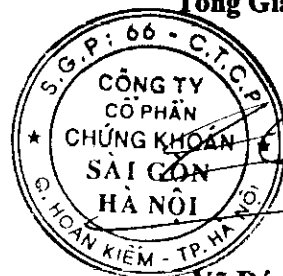
Ngô Thị Trúc Mai

Kế toán trưởng



Trần Sỹ Tiến

Tổng Giám đốc



Vũ Đức Tiến